

Số: 1418 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư, các khu vực để đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thị xã, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/TTr-STNMT ngày 25/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư, các khu vực để đấu giá quyền sử dụng đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Hớn Quản, thị xã Phước Long và thành phố Đồng Xoài, cụ thể:



1. Cho phép triển khai thực hiện đối với 05 dự án đầu tư, diện tích 895.067,7 m².

2. Cho phép triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 trường hợp, diện tích 4.455,8 m².

3. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 08 trường hợp, diện tích 30.420,0 m².

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các địa phương, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. UBND huyện Hớn Quản, thị xã Phước Long và thành phố Đồng Xoài

a) Tiến hành cập nhật danh mục các dự án đầu tư tại biểu chi tiết kèm theo vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của địa phương.

b) Tổ chức thực hiện việc cho thuê đất đối với các trường hợp đã được UBND tỉnh chấp thuận cho triển khai thực hiện theo đúng trình tự, quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận cho triển khai thực hiện theo trình tự, quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương nêu trên cập nhật và lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố: Hớn Quản, Phước Long, Đồng Xoài và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT.



Huỳnh Anh Minh



**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓN QUẬN**

(Kèm theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 29 / 6 /2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý	Diện tích (m2)	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Ghi chú
1	Trại trồng nấm	An Khương	Công ty CP năng lượng Solar Việt Nam	52.173,7	CLN	NKH	QĐCTĐT số 2511/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh	
2	Trang trại chăn nuôi heo giống và heo thịt	Thanh An	Công ty TNHH Bình Long Farm	322.000,0	CLN	NKH	QĐCTĐT số 757/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh	
3	Trang trại chăn nuôi gà	Minh Đức	Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Thái Anh	149.094,0	CLN	NKH	QĐCTĐT số 2326/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh	
4	Trại chăn nuôi gà thịt	Tân Hưng	Công ty TNHH MTV Trại gà Hón Quận	144.300,0	CLN	NKH	QĐCTĐT số 2771/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh	
5	Khai thác mỏ sét gạch ngói và vật liệu san lấp	An Khương	Công ty TNHH MTV SX TM Đô Thành	227.500,0	CLN	SKX	QĐCTĐT số 2783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh	
Tổng				895.067,7				

* Ghi chú:

CLN: Đất trồng cây lâu năm.

NKH: Đất nông nghiệp khác.

SKX: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI**

(Kèm theo Quyết định số 1418 /QĐ-UBND ngày 29 / 6 /2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án (khu đất, thửa đất)	Địa điểm	Chủ đầu tư, đơn vị quản lý	Diện tích (m ²)	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Văn bản chấp thuận
01	Khu Kho bạc Nhà nước (cũ)	UBND phường Tân Phú	Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.215,8	Đất công		Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh.
02	Khu đất trụ sở Fafim tỉnh (cũ)	UBND phường Tân Đông	Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	3.240,0	Đất công		Thông báo số 209/TB-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh.
	Tổng cộng			4.455,8			

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

(Kèm theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 29 / 6 /2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Số thửa	Số tờ	Diện tích (m ²)	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Ghi chú
1	Huỳnh Văn Hà	Long Giang	234	9	2.000,0	CLN	SKC	
2	Đặng Văn Long	Long Giang	233	9	3.000,0	CLN	SKC	
3	Tô Thanh Bình	Phước Bình	183	22	800,0	CLN	SKC	
4	Lưu Thế Sơn	Phước Bình	239, 238, 39, 34	34, 35	15.120,0	CLN	SKC	
5	Nguyễn Văn Công	Long Phước	LP	ĐL	4.000,0	CLN	SKC	
6	Nguyễn Văn Công	Long Phước	104	13	4.500,0	CLN	SKC	
7	Trần Văn Lệ	Phước Tín	PT	ĐL	500,0	CLN	TMD	
8	Nguyễn Hà	Sơn Giang	49	22	500,0	CLN	TMD	
Tổng					30.420,0			

Ghi chú:

CLN: Đất trồng cây lâu năm.

TMD: Đất thương mại, dịch vụ.

SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

